

**BYK-3756**

Mã sản phẩm: 000000000000134682

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2024/02/12

Ngày in 2025/02/24

**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : BYK-3756

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Surface Additive

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : BYK-Chemie GmbH

Địa chỉ : Abelstrasse 45  
46483 Wesel

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)  
trường hợp khẩn cấp +65 3158 1074 (All languages)**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 4

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không có gì

Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H227 Chất lỏng dễ cháy.

Các lưu ý phòng ngừa

**Biện pháp phòng ngừa:**P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. -  
Không hút thuốc.P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/  
bảo vệ mặt.**Biện pháp ứng phó:**P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất  
khô hoặc bọt chịu cồn để dập tắt.**Lưu trữ:**

P403 Lưu giữ ở nơi thoáng khí tốt.

**Việc thải bỏ:**P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại  
cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Không có thông tin.

**3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

BYK-3756

Mã sản phẩm: 000000000000134682

Phiên bản 2.0 SDS\_VN Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/12 Ngày in 2025/02/24

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất  
Bản chất hóa học : Solution of a polyether modified polydimethylsiloxane

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học

| Tên hóa học                       | Số CAS     | Nồng độ (% w/w) |
|-----------------------------------|------------|-----------------|
| Dipropylene glycolmonomethylether | 34590-94-8 | >= 50 - <= 100  |

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.  
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.  
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.  
Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.  
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.  
Gỡ bỏ kính áp tròng.  
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.  
Mở rộng mắt khi rửa.  
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.  
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.  
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.  
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.  
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Không có thông tin.  
Không có thông tin.  
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không có thông tin.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HOÀ HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Carbon đioxit (CO2)  
Hóa chất khô  
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn  
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Silicon ôxit  
Carbon ôxit  
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Vì lý do an toàn trong trường hợp hỏa hoạn, các thùng chứa cần được lưu giữ riêng rẽ trong các ngăn kín.  
Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa kín hoàn toàn.  
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.  
Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm

BYK-3756

Mã sản phẩm: 000000000000134682

Phiên bản 2.0 SDS\_VN Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/12 Ngày in 2025/02/24

này an toàn.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Kiểm chế chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13).  
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Không được phun lên ngọn lửa trần hoặc các vật liệu nóng sáng khác. Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tạo ra aerosol.  
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.  
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.  
Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc.  
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Không hút thuốc.  
Để tại nơi thông gió tốt.  
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.  
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

| Thành phần                        | Số CAS     | Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm) | Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép | Cơ sở |
|-----------------------------------|------------|--------------------------------|-------------------------------------------|-------|
| Dipropylene glycolmonomethylether | 34590-94-8 | TWA                            | 100 ppm                                   | ACGIH |
|                                   |            | STEL                           | 150 ppm                                   | ACGIH |

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay  
Vật liệu : cao su butyl  
Thời gian thấm : > 480 min

Ghi chú : Mang găng tay thích hợp.  
Bảo vệ mắt : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết  
Kính bảo hộ vừa khít  
Bảo vệ da và cơ thể : Quần áo không thấm.  
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.  
Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

BYK-3756

Mã sản phẩm: 00000000000134682

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/12

Ngày in 2025/02/24

|                                    |                                                                              |
|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Trạng thái                         | : thể lỏng                                                                   |
| Màu sắc                            | : màu vàng nhạt                                                              |
| Mùi đặc trưng                      | : không quan trọng                                                           |
| Ngưỡng mùi                         | : chưa có dữ liệu                                                            |
| Độ pH                              | : Không áp dụng được                                                         |
| Điểm/khoảng nóng chảy              | : < 0 °C<br>(1.013 hPa)<br>Phương pháp: derived                              |
| Điểm sôi ban đầu                   | : Khoảng 190 °C<br>Phương pháp: derived                                      |
| Điểm cháy                          | : 77 °C (1.013 hPa)<br><br>Phương pháp: 49 (Pensky-Martens)                  |
| Tỷ lệ hóa hơi                      | : chưa có dữ liệu                                                            |
| Giới hạn trên của cháy nổ          | : chưa có dữ liệu                                                            |
| Giới hạn dưới của cháy nổ          | : chưa có dữ liệu                                                            |
| Áp suất hóa hơi                    | : < 1,000 hPa<br>Phương pháp: derived                                        |
| Tỷ trọng hơi tương đối             | : chưa có dữ liệu                                                            |
| Khối lượng riêng                   | : 0,971 g/cm3 (20 °C, 1.013 hPa)<br>Phương pháp: 4 (20°C oscillating U-tube) |
| Độ hòa tan                         |                                                                              |
| Độ hòa tan trong nước              | : có thể pha trộn hoàn toàn                                                  |
| Độ hòa tan trong các dung môi khác | : chưa có dữ liệu                                                            |
| Hệ số phân tán: n-octanol/nước     | : chưa có dữ liệu                                                            |
| Nhiệt độ tự cháy                   | : > 200 °C (1.013 hPa)<br>Phương pháp: DIN 51 794/ DIN prEN 14 522           |
| Nhiệt độ phân hủy                  | : chưa có dữ liệu                                                            |
| Độ nhớt                            |                                                                              |
| Độ nhớt, động lực                  | : 17 mPa.s (20 °C)<br>Phương pháp: P/K 20°C                                  |
| Độ nhớt, động học                  | : 17,5 mm2/s (20 °C)<br>Phương pháp: calculated                              |

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

|                   |                                                            |
|-------------------|------------------------------------------------------------|
| Khả năng phản ứng | : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. |
| Tính ổn định      | : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. |

BYK-3756

Mã sản phẩm: 000000000000134682

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/12

Ngày in 2025/02/24

|                                                             |   |                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phản ứng nguy hiểm                                          | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.<br>Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí. |
| Các điều kiện cần tránh                                     | : | Nhiệt, lửa và tia lửa.                                                                                               |
| Vật liệu không tương thích                                  | : | chưa có dữ liệu                                                                                                      |
| Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                             |

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

Dipropylene glycolmonomethylether:

Loài: Thỏ  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404  
Kết quả: Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

Dipropylene glycolmonomethylether:

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

Dipropylene glycolmonomethylether:

Kết quả: Không gây kích ứng da.

BYK-3756

Mã sản phẩm: 000000000000134682

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2024/02/12

Ngày in 2025/02/24

**Độc biến tế bào mầm (tế bào gen)**

**Sản phẩm:**

Độc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
trong ống thí nghiệm  
Độc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
trong cơ thể

**Tác nhân gây ung thư**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độc tính sinh sản**

**Sản phẩm:**

Ảnh hưởng đến khả năng : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
sinh sản  
Ảnh hưởng đến sự phát triển : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
của thai

**STOT - Tiếp xúc một lần**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**STOT - Tiếp xúc lặp lại**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Lượng độc lặp lại**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độc tính hô hấp**

**Sản phẩm:**

chưa có dữ liệu

**Thông tin khác**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

**Độc môi trường**

**Sản phẩm:**

Độc đối với cá :

BYK-3756

Mã sản phẩm: 000000000000134682

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/12

Ngày in 2025/02/24

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác :  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

Dipropylene glycolmonomethylether:

Tính phân hủy sinh học : hiệu khí  
Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học.  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301F  
GLP: có

Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

Dipropylene glycolmonomethylether:

Hệ số phân tán: n- : log Pow: 0,004  
octanol/nước  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107  
GLP: có

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải  
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ  
thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa  
đã qua sử dụng  
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.  
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.  
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.  
Không sử dụng hoặc đốt đèn trên thùng rỗng.

BYK-3756

Mã sản phẩm: 000000000000134682

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/12

Ngày in 2025/02/24

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC  
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến



**BYK-3756**

Mã sản phẩm: 000000000000134682

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2024/02/12

Ngày in 2025/02/24

ngiht của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân  
hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một  
số đặc tính nhất định.